



yǔ tiān

雨天

noun · rainy day

Example Sentences

Jīn tiān shì gè yǔ tiān

今天是个雨天。

Today is a rainy day.

Yǔ tiān chū mén jì de dài sǎn

雨天出门记得带伞。

Remember to bring an umbrella when going out on a rainy day.

Wǒ xǐ huan zài yǔ tiān lǐ tīng yīn yuè kàn shū

我喜欢在雨天里听音乐看书。

I like to listen to music and read books on rainy days.

Trace each character, then write the word on your own.

雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨
天	天	天	天	天	天	天				